

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 29/2024/DS-GĐT

Ngày 10/5/2024

Vụ án: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng
gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường .

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Cường và Ông Đặng Kim Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần B1; địa chỉ: Tòa nhà C, số A T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Doãn S** - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20-6-2017):

Ông **Lê Thanh N** - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần B1 - Chi nhánh D; địa chỉ: Số A A, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người được ủy quyền lại (Văn bản ủy quyền số 90/2022/QĐ-LPB ngày 31-3-2022): Ông **Nguyễn Hữu N1** - Chức vụ: Giám đốc Phòng G.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn B, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2.2. Bà Lê Thị N2, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thi M, sinh năm 1934; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

3.2. Chị Nguyễn Lê Hồng L, sinh năm 2002; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

3.3. Anh Nguyễn Lê Phương L1, sinh năm 1999; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, Ngân hàng Thương mại Cổ phần B1 (sau đây viết tắt là Ngân hàng B1) trình bày:

Ngày 16-3-2018, Ngân hàng B1 và ông Nguyễn B, bà Lê Thị N2 ký kết Hợp đồng tín dụng số HĐTD4032018164; theo đó, Ngân hàng B1 cho ông B, bà N2 vay 600.000.000 đồng; mục đích vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh T1; thời hạn vay 11 tháng, kể từ ngày 20-3-2018; lãi suất cho vay áp dụng trong ba tháng đầu là 9%/năm, từ tháng thứ 4 áp dụng lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng/lần; kỳ hạn trả gốc bên vay trả nợ gốc cuối kỳ, ngày trả gốc cụ thể được ghi trong kế ước nhận nợ, trả lãi vào ngày 19 hằng tháng.

Khi vay, ông Nguyễn B và bà Lê Thị N2 thế chấp cho Ngân hàng hai tàu cá (QNg-98231 TS và QNg 94002 TS) và quyền sử dụng đất, tại thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 36, xã P (nay là phường P). Quá trình thực hiện hợp đồng, ông B và bà N2 đã trả tính đến ngày 19-9-2022 là 218.358.153 đồng nợ gốc và lãi, còn nợ lại là 653.685.964 đồng; trong đó, nợ gốc là 381.641.847 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.260.130 đồng và nợ lãi quá hạn là 269.783.987 đồng. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu ông B, bà N2 phải trả cho Ngân hàng các khoản nợ trên; đồng thời, yêu cầu ông B và bà N2 còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp ông B, bà N2 không trả được nợ, thì yêu cầu được xử lý tài sản là toàn bộ nhà, đất tại thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 36, xã P để thu hồi nợ. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì ông B và bà N2 có trách nhiệm trả tiếp phần còn thiếu. Đối với 2 chiếc tàu cá mà ông B, bà N2 đã thế chấp, Ngân hàng xin rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp này.

Bị đơn, bà Lê Thị N2 trình bày:

Năm 2018, vợ chồng bà có vay của Ngân hàng B1 600.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà đã trả cho Ngân hàng 218.358.153 đồng, còn nợ 381.641.847 đồng (nợ lãi trong hạn là 2.260.130 đồng và nợ lãi quá hạn là 269.783.987 đồng). Khi vay, vợ chồng bà thế chấp nhà, đất tại thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 36, xã P và hai tàu cá (QNg-98231 TS và QNg 94002 TS). Vợ chồng bà đồng ý trả nợ; trường hợp không trả được nợ, thì Ngân hàng được quyền xử lý tài sản mà vợ chồng bà đã thế chấp cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M1, chị Nguyễn Lê Hồng L2 và anh Nguyễn Lê Phương L1 đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng không có văn bản trình bày ý kiến của mình.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 19-9-2022, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 318, 320, 323, 463, 466 và 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần B1.

1.1. Buộc bị đơn là ông Nguyễn B và bà Lê Thị N2 phải trả cho Ngân hàng 653.685.964 đồng (sáu trăm năm mươi ba triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi tư đồng); trong đó, nợ gốc là 381.641.847 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.260.130 đồng và nợ lãi quá hạn là 269.783.987 đồng.

1.2. Kể từ ngày 20-9-2022, ông Nguyễn B và bà Lê Thị N2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong nợ.

1.3. Trường hợp ông Nguyễn B và bà Lê Thị N2 không thanh toán được nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông B, bà N2 tại thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 36, xã P (nay là phường P), huyện (nay là thị xã) Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp là hai chiếc tàu cá QNg-98231 TS và QNg 94002 TS.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 04-7-2023, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi có Công văn số 893/KN-THADS kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, do có nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thi hành án.

Tại Quyết định kháng nghị số 07/KN-DS ngày 02-4-2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm nêu trên và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh

Quảng Ngãi để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị số 07/KN-DS ngày 02-4-2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Theo Hợp đồng tín dụng số HĐTĐ4032018164 ngày 16-3-2018, thì ông Nguyễn B, bà Lê Thị N2 vay Ngân hàng B1 số tiền 600.000.000 đồng; mục đích vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh T1; thời hạn vay 11 tháng, kể từ ngày 20-3-2018. Ông B, bà N2 thế chấp quyền sử dụng đất, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 007460, số vào sổ cấp GCN: CH.02465, do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 12-12-2012, thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 36, diện tích 283,3 m², tại xã P, huyện (nay là thị xã) Đ, tỉnh Quảng Ngãi theo Hợp đồng thế chấp số 43-2018-HĐTC-PGDDucPho ngày 16-3-2018.

Khi giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và xác định trên đất chỉ có ngôi nhà cấp 4A của ông Nguyễn B và bà Lê Thị N2, nên đã căn cứ quy định tại Mục 2.1.2 Điều 2 của Hợp đồng thế chấp số 43-2018-HĐTC-PGDDucPho ngày 16-3-2018: *“Tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất cũng thuộc tài sản thế chấp”*, từ đó tuyên: *“Trường hợp ông Nguyễn B, bà Lê Thị N2 không thanh toán được nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông B, bà N2 tại thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 36, xã P (nay là phường P)”*.

[2]. Quá trình tổ chức thi hành hành án, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đã tiến hành xác minh hiện trạng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; qua đó, xác định tài sản trên thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 36 gồm có: *“Nhà ở cấp 4A (chưa đăng ký quyền sở hữu), có diện tích xây dựng khoảng (8,2 x 11,6 m²)...”*, nhà ở này thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Nguyễn B, bà Lê Thị N2 là tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 43-2018-HĐTC-PGDDucPho ngày 16-3-2018. Ngoài ra, trên thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 36 còn có: *“01 ngôi nhà cấp 4 (chưa chứng nhận quyền sở hữu), nằm phía Bắc thửa đất và công trình phụ, do vợ chồng ông Nguyễn L3 và bà Lê Thị T xây dựng khoảng năm 2017”*.

[3]. Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm có tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, nhưng không phát hiện ngoài ngôi nhà ở cấp 4A của vợ chồng ông Nguyễn B, bà Lê Thị N2 thì trên đất còn có một ngôi nhà cấp 4 (chưa chứng nhận quyền sở

hữu); đồng thời, chưa làm rõ ông Nguyễn L3, bà Lê Thị T có phải là chủ sở hữu ngôi nhà cấp 4 trên thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 36 không? để đưa họ vào tham gia tố tụng, với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên: *“Trường hợp ông Nguyễn B, bà Lê Thị N2 không thanh toán được nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 36 để thu hồi nợ (trong khi đó có tài sản chưa làm rõ được chủ sở hữu)”* khi chưa làm rõ các nội dung nêu trên là không đúng, gây khó khăn trong công tác thi hành án.

Vì vậy, để giải quyết triệt để vụ án, cần chấp nhận Quyết định kháng nghị số 07/KN-DS ngày 02-4-2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343 và Điều 348, Điều 349 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 07/KN-DS ngày 02- 4-2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 19-9-2022 của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học-TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;
- Tòa án nhân dân TX Đ, tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TX Đ, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP; Phòng GDKT DS-KDTM-LĐ và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Cường